TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HÒA** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hồ Xuân Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông **Trần Thanh Hải**

2. Ông **Ngô Sỹ Lượng**

-***Thư ký phiên toà:*** Bà **Trần Thị An** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sátnhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm: 1994 (có mặt)

Nơi ĐKTT: Xóm 4, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Làng M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Xóm 4, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 14, phân trại 1, Trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/02/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị V thống nhất trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 7 năm 2015 tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị và anh D

được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D bài bạc, nghiện chất ma túy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh D kết hôn với nhau được 08 năm nhưng anh D đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội liên quan đến ma túy và hiện đang chấp hành án. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh D, chị và các con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống nên chị nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung gồm Bùi Văn T, sinh ngày 09/9/2014 và Bùi Văn P, sinh ngày 03/10/2016. Không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi. Nay ly hôn do anh D đang chấp hành án nên chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của chị và anh D. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị và anh D không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay cũng như không vay nợ ai tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 02 tháng 3 năm 2013 anh Bùi Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như chị V đã trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Tuy nhiên theo anh D sau khi kết hôn anh và chị V sống với nhau bình thường, hạnh phúc, không có mâu thuẫn xẩy ra. Do đó nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị V có hai con chung gồm Bùi Văn T, sinh ngày 09/9/2014 và Bùi Văn P, sinh ngày 03/10/2016, không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi đúng như chị V đã trình bày. Nay chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung của anh và chị V thì anh không đồng ý và anh cũng có trách nhiệm nuôi con.

Về chia tàisản: Anh và chị V không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay cũng như không vay nợ ai tài sản gì nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân tranh chấp, tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc tuân theo pháp luận của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị V được ly hôn với anh Bùi Văn D

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Lê Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của chị V và anh D là Bùi Văn T, sinh ngày 09/9/2014 và Bùi Văn P, sinh ngày 03/10/2016 cho đến khi các con chung trưởng thành.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:*Chị Lê Thị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Chị Lê Thị V và anh Bùi Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị V phải chịu toàn bộ án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Chị Lê Thị V yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Bùi Văn D. Anh Bùi Văn D đăng ký thường trú tại xóm 4, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Anh Bùi Văn D hiện đang chấp hành án, đã được Tòa án thông báo về thời gian mở phiên tòa lần thứ hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị V và anh Bùi Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 7 năm 2015 tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị V, anh D là hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, yêu cầu ly hôn của chị V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị V nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh D là do anh D bài bạc, nghiện chất ma túy. Anh D cho rằng anh và chị V sống bình thường, hạnh phúc. Chị V và anh D đăng ký kết hôn vào năm 2015, tuy nhiên đến năm 2017 anh D bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa xử phạt 27 tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy", năm 2022 tiếp tục bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" và hiện đang phải chấp hành án. Chị V, anh D đăng ký kết hôn đến nay đã được 08 năm nhưng anh D hai lần phải đi chấp hành án, bản thân chị V phải một mình nuôi dạy con cái, thiếu sự quan tâm chăm sóc, động viên từ anh D nên chị V đã phải về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vì vậy chị V trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là có căn cứ, bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau

chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong khi đó anh D không thực hiện được nghĩa vụ trên điều đó chính tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị V, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị V được ly hôn với anh D là phù hợp.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị Lê Thị V, anh Bùi Văn D có hai con chung gồm Bùi Văn T, sinh ngày 09/9/2014 và Bùi Văn P, sinh ngày 03/10/2016. Chị V và anh D không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi.

Nay ly hôn chị V xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của chị V và anh D. Anh D không đồng ý vì là con chung nên anh cũng có trách nhiệm. Nguyện vọng của chị V, anh D đều chính đáng. Tuy nhiên anh D hiện đang chấp hành án nên chưa đủ điều kiện để nuôi con trong khi đó chị V có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Biên bản xác minh tại địa phương cũng thể hiện, chị V không có hành vi đánh đập, ngược đãi con. Mặt khác con chung là Bùi Văn T cũng có nguyện vọng được ở với chị V. Do đó để đảm bảo quyền lợi ích mọi mặt của con chưa thành cần giao hai con chung của chị V và anh D cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau này anh D chấp hành án xong nếu có đủ điều kiện nuôi con thì có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:*Chị Lê Thị V không yêu cầu anh Bùi Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về chia tài sản*: Chị Lê Thị V và anh Bùi Văn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị V phải chịu án phí LHST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 238; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị V được ly hôn với anh Bùi Văn D

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Lê Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của chị Vân và anh D là Bùi Văn T, sinh ngày 09/9/2014 và Bùi Văn P, sinh ngày 03/10/2016 cho đến khi các con chung trưởng thành.

Chị Lê Thị V không yêu cầu anh Bùi Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Anh Bùi Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị Lê Thị V và anh Bùi Văn D đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) mà chị V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008723 ngày 10/02/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (chị V đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã N, thị xã Thái Hòa
(để ghi vào sổ hộ tịch, giấy CNKH số 81ngày 29/7/2015);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Xuân Quyền